TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2023
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2022/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố BT phường XĐ, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố BT phường XĐ, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn ly hôn và các phiên làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trương Thị Ng trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ng và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không hòa giải được; nguyên nhân do ông Đ thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, về nhà chửi bới bà Ng, đập phá tài sản trong nhà, sự việc lập lại nhiều lần, kéo dài trong nhiều năm đến nay. Bà Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc không Đ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Dỉ H, sinh ngày 26/4/2016 (Giới tính nam). Ly hôn, bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết giao con

chung là cháu H cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày được tóm tắt như sau:* (Ông Đ không có lời trình bày).

** Kiểm sát viên phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, hoạt động tố tụng của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, cho bà Trương Thị Ng và ông Nguyễn Văn Đ ly hôn. Về con chung: Giao một con chung là Nguyễn Dĩ H, sinh ngày 26/4/2016 (Giới tính nam) cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng; không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Buộc bà Ng phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ng và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, được UBND xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2014 quyển số 01/2014 ngày 06/9/2014, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Căn cứ lời trình bày của bà Ng, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm, không hòa giải được là trầm trọng. Ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng tại phiên họp hòa giải ngày 01/8/2022 tự ý bỏ về; và các phiên làm việc sau đó đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hòa giải đoàn tụ nên chấp nhận ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Ng, cho bà Ng và ông Đ ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Ng và ông Đ có một con chung là Nguyễn Dĩ H, sinh ngày 26/4/2016 (Giới tính nam). Hiện nay, cháu H do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu H cho bà Ng nuôi dưỡng; bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về yêu cầu ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

+ Các điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà Trương Thị Ng và ông Nguyễn Văn Đ ly hôn.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Dỉ H, sinh ngày 26/4/2016 (Giới tính nam) cho bà Trương Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003189 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND nơi cấp giấy đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.